

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101702 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3672051674	36COT2	Nguy n Ho ấ ng An	24/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
2	3672050856	36COT2	Nguy n Ng c Anh	20/12/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
3	3672051455	36COT2	Nguy n Th Bá	12/10/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
4	3672050753	36COT2	Kh ấ u Trung Can	02/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3672051081	36COT2	Hu nh Minh C nh	21/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
6	3672050466	36COT2	Tr n Ho ấ ng Cung	16/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3672051216	36COT2	Nguy n Minh Chinh	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3672050644	36COT2	ấ V ấ Nh Chung	20/08/1994				4.0			4.0	1.2	1.5	1.1	2.3	
9	3672050548	36COT2	Nguy n ấ nh Duy	01/01/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
10	3672050889	36COT2	Nguy n Ng c Duy	13/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
11	3672050724	36COT2	VH Ng c Duy	12/01/1994				7.0			7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
12	3672050427	36COT2	Tr n ấ c ấ t	09/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
13	3672051664	36COT2	Tr n Thanh ấ t	13/07/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
14	3672050926	36COT2	H Quang ấ c	24/10/1993				8.0			8.0	2.4	3.3	2.3	4.7	
15	3672051098	36COT2	Ng ấ Vi t ấ c	14/11/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
16	3672050691	36COT2	L 2 V ấ Nh H u	23/07/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
17	3672050808	36COT2	V 1 2 V ấ Nh Hi n	20/06/1994				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
18	3672050704	36COT2	Cao Thành Hi p	01/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3672050863	36COT2	Tr ng Minh Hoàng	09/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101702 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3672051629	36COT2	Nguy n V ấ H ầ a	20/04/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
21	3672051887	36COT2	V ấ Nh Tr ng Hu n	25/02/1994				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
22	3672050448	36COT2	Ph m Duy Huy	25/08/1994				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	
23	3672051651	36COT2	Tr n ấ c Huy	15/07/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
24	3672051481	36COT2	L ng L ấ Huynh	02/01/1994				6.0			6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
25	3672050744	36COT2	Nguy n Thanh H ầ ng	07/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
26	3672051266	36COT2	Tr n V ấ H ầ ng	21/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
27	3672050886	36COT2	L ý Th ấ i H ng	27/07/1994				5.0			5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
28	3672050917	36COT2	V ấ V ấ H ầ Ki t	20/06/1994				9.0			9.0	2.7	4.3	3.0	5.7	
29	3672051097	36COT2	L 2 Qu c Kh i	01/09/1994				5.0			5.0	1.5	1.3	0.9	2.4	
30	3672050943	36COT2	ấ ng Tr n Th Y Linh	01/11/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
31	3672052002	36COT2	Nguy n B o Linh	14/02/1994				8.0			8.0	2.4	1.8	1.3	3.7	
32	3672050800	36COT2	Phan Thanh Long	25/05/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
33	3672050565	36COT2	Nguy n H u L i	21/03/1994				6.0			6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
34	3672052028	36COT2	Nguy n Th ầ nh Lu ầ n	05/11/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
35	3672050504	36COT2	ấ nh Tr ng L ng	20/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
36	3672051474	36COT2	Nguy n Minh L c	12/12/1994				7.0			7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
37	3672051668	36COT2	L ầ m Ch ầ u Minh	14/04/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
38	3672050429	36COT2	Nguy n ấ nh Minh	02/02/1992				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101702 - V t l ầ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V i T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M TH I	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3672050645	36COT2	D ầ ng V ầ h	Nam	14/04/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
40	3672050981	36COT2	Mai ầ	Ngh ầ	24/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
41	3672050494	36COT2	Ph ầ ng V ầ ng	Ngh ầ	08/09/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
42	3672051238	36COT2	Hu ầ nh ầ i	Nh ầ n	08/04/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
43	3672051593	36COT2	Tr n ầ nh	Nhi ầ n	19/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
44	3672051056	36COT2	Ph m Qu c	Ph ầ p	30/03/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
45	3672050842	36COT2	N ầ ng V ầ h	Phi	10/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
46	3672050775	36COT2	Lê Thanh	Phong	22/07/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
47	3672050649	36COT2	V ầ L Thanh	Phong	14/12/1992				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
48	3672051541	36COT2	Vô Công	Phú c	12/04/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
49	3672051203	36COT2	Vô Minh	Ph ầ ng	15/03/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
50	3672050443	36COT2	H Minh	Ph ầ ng	02/09/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
51	3672051600	36COT2	L ầ ầ ng Ho ầ	Ph ầ ng	16/08/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
52	3672052038	36COT2	Tr n	Ph ầ ng	09/04/1993				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
53	3672051530	36COT2	Tr n Thanh	Quy t	29/06/1993				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	N HP
54	3672050956	36COT2	D ầ ng Cao	Quý	30/07/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
55	3672050435	36COT2	L ầ V ầ h	Sang	05/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
56	3672050438	36COT2	Mai Ng c	S n	06/02/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
57	3672050651	36COT2	Nguy n T n	Tài	07/12/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36COT2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101702 - V t l ĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3672050942	36COT2	Nguy n T n Tài	08/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
59	3672050957	36COT2	T» Ti n Tài	08/10/1994				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
60	3672051529	36COT2	Tr n Qu c Tài	08/11/1994				7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
61	3672051061	36COT2	Nguy n Th ½ nh Tâm	27/05/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
62	3672052001	36COT2	Hoàng Duy Tân	18/01/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
63	3672052055	36COT2	Nguy n Xuª n Tín	04/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
64	3672051303	36COT2	Huynh Nguy n Tr ng Toàn	21/01/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
65	3672051271	36COT2	Tr n Qu c Toàn	08/02/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
66	3672050723	36COT2	Lê Công Tòan	15/01/1994				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
67	3672050891	36COT2	Nguy n ã nh Tuấn	23/09/1993				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
68	3672051573	36COT2	Bùi Công Tu n	05/09/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
69	3672050974	36COT2	V½ V ã nh Tu n	01/06/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
70	3672051021	36COT2	Nguy n Ho ½ ng Tùng	22/04/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
71	3672050697	36COT2	Nguy n Ng c T i	07/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
72	3672050643	36COT2	Nguy n Ch´ Thanh	20/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
73	3672051868	36COT2	ñ o ½ V ã nh Thành	05/08/1993				8.0			8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
74	3672051610	36COT2	Ph m Nh t Th o	20/10/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
75	3672050433	36COT2	Huynh Tr ng Th ng	24/08/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
76	3672051480	36COT2	ñ ng V ã nh Thi n	20/10/1993				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101702 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS : 30.00%	ấ I M TH I	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3672050579	36COT2	Lê Minh	Thi n	10/05/1993				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
78	3672050413	36COT2	Tr ng H u	Thi n	13/09/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
79	3672050555	36COT2	Nguy n V ấ	Th nh	14/02/1994				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
80	3672050962	36COT2	Tr n B ấ	Th nh	09/03/1994				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
81	3672051961	36COT2	Nguy n V ấ	Thu n	14/03/1993				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
82	3672050988	36COT2	Tr n V ấ	Thùy	07/02/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
83	3672051973	36COT2	Tr ng ấ ấ	Tri u	29/09/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
84	3672051658	36COT2	Bùi Thanh	Tr í	15/03/1993				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
85	3672051854	36COT2	Tr n B ấ	Tr ng	15/05/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
86	3672050827	36COT2	L ấ Tu n	Trung	28/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
87	3672050476	36COT2	Nguy n V ấ	Trung	05/06/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
88	3672051082	36COT2	Ph m V ấ	Trung	16/10/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
89	3672050805	36COT2	Tr n Quang	Trung	10/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
90	3672051894	36COT2	Nguy n Quang	Vinh	01/09/1994				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
91	3672050460	36COT2	Ph m Ng c	V ấ O	09/01/1994				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	

T ng s : 91 h c sinh sinh v i ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o V i ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa